

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/HS-ST  
Ngày: 05-4-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Kim Xuyên

Bà Dương Thị Thuý Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Đình Linh Chi - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Vương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đông Đ** (tên gọi khác: T), sinh năm 1998 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: khu phố Ph, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Thanh Ph; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/11/2023 sau đó chuyển sang tạm giam đến nay tại nhà Tạm giữ Công an huyện N. Bị cáo có mặt.

2. **Nguyễn Huỳnh Q**, sinh năm 1998 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: khu phố Ph, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng Ph và Huỳnh Thị Trúc L; Bị cáo có vợ là Phạm Thị M và có 01 con sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/11/2023 sau đó chuyển sang tạm giam đến nay tại nhà Tạm giữ Công an huyện N. Bị cáo có mặt.

3. **Phạm Văn B**, sinh năm 2002 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở hiện nay: khu phố Ph, thị trấn Ph, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thanh S và bà Lâm Thị H; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/11/2023 sau đó chuyển sang tạm giam đến nay tại nhà Tạm giữ Công an huyện N. Bị cáo có mặt

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đông Đ, Nguyễn Huỳnh Q và Phạm Văn B: Luật sư Hoàng Liên S- Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. (có mặt)*

- *Bị hại: Ông Nguyễn Vĩ Kh, sinh năm 2005 (có mặt)*

Địa chỉ: khu phố Ph, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Phan Văn Nh, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang.

+ Ông Võ Bảo Ch, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 6, xã L, huyện Ph, tỉnh Bình Phước

+ Ông Chu Đình M, sinh năm 2005 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tr, xã Ph, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Huỳnh Ngọc B, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố Ph, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai

+ Ông Nguyễn Thái S, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã Ph, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn Bền tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đông Đ, Nguyễn Huỳnh Q và Phạm Văn B cùng làm việc tại Công ty TNHH B, Khu công nghiệp 1, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Giữa Đ với Nguyễn Vĩ Kh có mâu thuẫn cãi nhau và hẹn nhau giải quyết mâu thuẫn.

Khoảng 19 giờ ngày 08/11/2023, Đ cùng Q, B đang làm việc tại công ty thì Kh điện thoại cho Đ, hai bên thách thức nhau và hẹn giải quyết mâu thuẫn trước

công ty của Đ. Sau khi Đ nghe điện thoại thì Q và B nghe được nên Q, B cùng tham gia đánh Kh. Đi cùng bị hại Kh có Phan Văn Nh, Võ Bảo Ch và Chu Đình M.

Khi đi, Kh mang theo 01 khẩu súng (màu đen, kí hiệu ZP-5, XYL230105134, XIAO YUE LIANG bên trong không có đạn), 01 cây kiếm Nhật dài khoảng 50cm rồi cùng M, Nh và Ch đi xe mô tô đến điểm hẹn. Đ cũng cầm 01 cây tuýp sắt (dài khoảng 1,2 mét, đường kính 02cm) cùng B cầm 01 cây tít sắt dài khoảng 01 mét đi ra đứng đón Kh. Kh tới nơi, dừng xe lại, cầm khẩu súng chĩa về phía Đ và đi lại phía Đ. Lúc này Đ, B bỏ tuýp sắt xuống đất và đầu hàng nhưng Kh vẫn xông tới nên Đ cầm tuýp sắt đánh trúng tay Kh, Kh ném súng vào người Đ và chạy quay lại xe mô tô Dream Bến số 63B9-920.51 lấy kiếm. Đ chạy đến dùng tuýp sắt đánh trúng vào đầu, vai và lưng của Kh làm Kh ngã xuống đường, rơi kiếm ra ngoài. Q chạy đến nhặt kiếm (do Kh làm rơi) chém trúng má trái, trán trái, tai trái và tay phải của Kh, B cầm tuýp sắt chạy tới đánh vào người Kh. Kh la lên “tao thua rồi” thì nhóm Đ dừng lại không đánh nữa. Kh được bạn đưa đến Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai cấp cứu, điều trị đến ngày 09/11/2023 xuất viện. Còn Đ, Q và B đến Công an Đoàn khu công nghiệp N để đầu thú.

\*Vật chứng thu giữ:

- 01 khẩu súng, màu đen, kí hiệu ZP-5, XYL230105134, XIAO YUE LIANG (bên trong không có đạn).
- 01 cây tuýp sắt dài khoảng 1,2 mét, đường kính 02cm
- 01 cây tuýp sắt dài khoảng 01 mét, đường kính 02cm

Đối với 01 cây kiếm Nhật dài khoảng 50cm, sau khi gây án Q đã vứt bỏ nên không thu hồi được.

Tại Bản giám định pháp y số 1079/KLTTCT-TTPYĐN ngày 16/11/2023 của Trung tâm pháp y Đồng Nai xác định thương tích của anh Nguyễn Vĩ Kh như sau:

- Vết thương trán trái trong chân tóc kích thước 04x0,3cm. Tỷ lệ: 02%
- Vết thương má trái kích thước 07x0,2cm. Tỷ lệ: 06%
- Vết thương tai trái kích thước 2,5x0,2cm. Tỷ lệ: 03%
- Vết thương ngón 4 bàn tay phải kích thước 02x0,1cm. Tỷ lệ: 01%

Không định tỷ lệ cho chấn thương hông lưng phải hiện tại không để lại dấu vết, không để lại di chứng và không ảnh hưởng chức năng.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Vĩ Kh tại thời điểm giám định là: 12%. Vật gây thương tích:

- + Thương tích đầu mặt, tai trái và tay phải: Vật sắc.

+ Chấn thương hông lưng phải: Vật tày.

Tại Bản kết luận giám định số 0822/KL-KTHS ngày 11/12/2023 của Phân viện kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh- Bộ Công An kết luận: 01 khẩu súng, màu đen, kí hiệu số XYL230105134 là đồ chơi nguy hiểm, không phải vũ khí quân dụng; khẩu súng ổ quay nêu trên tác động vào cơ thể người có thể gây thương tích.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả giám định nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 77/CT.VKS-NT ngày 06/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đông Đ, Nguyễn Huỳnh Q và Phạm Văn B về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đ từ 02 năm 02 tháng đến 02 năm 04 tháng tù; xử phạt bị cáo Q và bị cáo B từ 02 năm đến 02 năm 02 tháng nhưng cho các bị cáo hưởng án treo.

Các bị cáo Đ, Q và B không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Đông Đ, Nguyễn Huỳnh Q và Phạm Văn B tại phiên tòa: Các bị cáo đã biết lỗi và ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của các bị cáo nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

*Ý kiến của luật sư Hoàng Liên S bào chữa cho các bị cáo Đ, Q và B:* Luật sư Sơn thống nhất về tội danh và khung hình phạt áp dụng cho các bị cáo. Trong vụ án này, bị hại là người chủ động gọi điện đánh nhau, bị hại chuẩn bị súng đồ chơi, kiểm nhật nên bị hại có lỗi; các bị cáo Đ, Q và B đã đầu hàng nhưng Kh vẫn xông tới nên các bị cáo mới gây thương tích cho bị hại. Ngay sau khi gây án các bị cáo đã ra đầu thú; các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định

của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về việc vắng mặt của các người làm chứng: Các người làm chứng trong vụ án đều vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt các người làm chứng trong vụ án.

[2] Về hành vi của các bị cáo Nguyễn Đông Đ, Nguyễn Huỳnh Q và Phạm Văn B: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đông Đ, Nguyễn Huỳnh Q và Phạm Văn B đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 08/11/2023 do có mâu thuẫn từ trước với Kh nên Hứa Vĩ Kh đã hẹn Đ đến Công ty TNHH B, Khu công nghiệp 1, huyện N để giải quyết mâu thuẫn. Lúc này, Nguyễn Huỳnh Q và Phạm Văn B làm chung công ty với Đ và nghe sự việc hẹn giải quyết mâu thuẫn giữa Đ và Kh nên đi cùng Đ. Tại điểm hẹn, Kh cầm khẩu súng (loại đồ chơi nguy hiểm) chĩa về phía Đ; Đ và B bỏ cây tuýp sắt xuống đầu hàng nhưng Kh vẫn xông tới thì bị Đ dùng tuýp sắt đánh vào người Kh. Kh chạy đi lấy kiếm đánh lại thì bị Đ đánh rơi kiếm và bị Đ và B dùng Ty sắt đánh, Q nhặt kiếm chém trúng má trái, trán trái, tai trái và tay phải của Kh gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%. Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố để kết luận các bị cáo Nguyễn Đông Đ, Nguyễn Huỳnh Q và Phạm Văn B phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Nguyên nhân dẫn đến việc các bị cáo gây thương tích cho bị hại là do bị hại và Đ có mâu thuẫn từ trước, bị hại là người thách thức, hẹn nhau giải quyết mâu thuẫn.

Trong vụ án này, các bị cáo Đ, Kh và B tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công, cấu kết chặt chẽ, các bị cáo đều thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại, bị cáo Đ là người giữ vai trò chính. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của từng bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên Tòa, các bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;

ngay sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại là người có lỗi chính; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Nguyễn Đông Đ, Nguyễn Huỳnh Q và Phạm Văn B có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, các bị cáo là lao động chính trong gia đình. Xét tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của các bị cáo Đ, Q và B và cân nhắc với các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo thì Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại và bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về Bện pháp tư pháp:

Đối với 01 khẩu súng, màu đen, kí hiệu ZP-5, XYL230105134, XIAO YUE LIANG (bên trong không có đạn); 01 cây tuýp sắt dài khoảng 1,2 mét, đường kính 02cm; 01 cây tuýp sắt dài khoảng 01 mét, đường kính 02cm là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo Đ, Q và B phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Đối với Phan Văn Nh, Võ Bảo Ch và Chu Đình M đi theo Nguyễn Vĩ Kh nhưng không tham gia đánh nhau nên đã bị Công an huyện N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đông Đ, Nguyễn Huỳnh Q và Phạm Văn B phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đông Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Q 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

2.3. Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên bố trả tự do cho bị cáo Nguyễn Đông Đ, Nguyễn Huỳnh Q và Phạm Văn B tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị giam giữ về tội phạm khác.

Giao các bị cáo Đ, Q và B cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

### 3. Về Bên pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 khẩu súng, màu đen, kí hiệu ZP-5, XYL230105134, XIAO YUE LIANG (bên trong không có đạn); 01 cây tuýp sắt dài khoảng 1,2 mét, đường kính 02cm; 01 cây tuýp sắt dài khoảng 01 mét, đường kính 02cm.

4. Về án phí: Mỗi bị cáo Nguyễn Đông Đ, Nguyễn Huỳnh Q và Phạm Văn B phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục thi hành án DS huyện N;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Lâm**